

Bản án số: **13/2025/DS-ST**
Ngày: 30-7-2025
*V/v “Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Anh Thư**
Ông **Phạm Cường Quốc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Thúy Kiều** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực B - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mộng Trinh** – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực B - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L** – Sinh năm 1991
Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường N, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn P** – Sinh năm 1971
Địa chỉ: Thôn I, xã B, tỉnh Khánh Hòa.
Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Ông **Tô Văn Hoài D** – Sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn S, xã N, tỉnh Khánh Hòa.
Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa – nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P có mối quan hệ làm ăn với nhau. Ngày 01/4/2023, bà L có góp vốn cho ông Nguyễn Văn P số tiền 300.000.000 đồng để mua đất chung. Sau khi nhận tiền thì ông P không thực hiện như thỏa thuận nên ngày 14/6/2024, ông P viết “Giấy cam kết” nợ bà L số tiền 300.0000.000 đồng. Thời gian trả trong vòng 02 tháng từ ngày 14/6/2024

đến ngày 14/8/2024. Nhưng từ đó đến nay ông P vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Đây là số tiền cá nhân của bà L cho ông P mượn.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 300.000.000 đồng vào một lần và không yêu cầu tiền lãi.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Tại đơn trình bày và xin vắng mặt ngày 22/7/2025 – người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Tô Văn Hoài D trình bày:*

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị L. Ông và bà L đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã A và không chung sống với nhau từ năm 2023. Ông có biết bà L làm ăn với ông Nguyễn Văn P nhưng không rõ như thế nào vì không chung sống với nhau. Khoản tiền đó là tiền riêng của bà L, không liên quan đến ông, không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông xin vắng mặt quá trình tố tụng tại Tòa án vì bận làm ăn.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn được triệu tập hợp lệ và tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 300.000.000 đồng theo giấy cam kết và không yêu cầu lãi suất. Xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần và thời hạn thanh toán đến thời điểm giải quyết đã quá hạn, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa thông qua thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại

chúng và niềm yết công khai theo quy định Điều 179 và Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông P vẫn vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tô Văn Hoài D xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Ông Nguyễn Văn P có hộ khẩu thường trú tại thôn I, xã B, tỉnh Khánh Hòa. Do đó Tòa án nhân dân khu vực B - Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ tranh chấp:*

Quá trình thụ lý đơn khởi kiện đã xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” nhưng theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ theo giấy cam kết. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án:*

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán một lần số tiền 300.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch làm ăn chung với nhau. Bà L có góp 300.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn P hùn tiền mua đất nhưng không thực hiện được. Do đó ngày 14/6/2024, ông P viết “*Giấy cam kết*” và xác nhận nợ có nội dung cụ thể “*...tôi có nợ số tiền 300.000.000 đồng trong quá trình mua đất góp vốn tại thời điểm mua bán ngày 01 tháng 4 năm 2023. Tôi cam kết sẽ thanh toán số tiền trên cho bà Nguyễn Thị L trong thời gian 02 tháng từ ngày 14 tháng 6 năm 2024 đến thời gian 14/8/2024...*”. Việc thỏa thuận cam kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, về nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận thì bà L nhiều lần yêu cầu ông P thanh toán số tiền nhưng bị đơn vẫn cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm hợp đồng giữa hai bên xác lập, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập đến Tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ nhưng không có mặt là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình mặc dù Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng phát sóng Đài Tiếng nói Việt Nam thời gian vào lúc 17 giờ 30 ngày 21/5/2025; 15 giờ đến 16 giờ các ngày 22 và 23 tháng 5 năm 2025; đăng báo Thanh niên các ngày 21, 22 và 23 tháng 5 năm 2025 và Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

Từ những nhận định trên, khẳng định nghĩa vụ thanh toán số tiền 300.000.000 đồng là của ông Nguyễn Văn P. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả một lần số tiền 300.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] *Về chi phí tố tụng:* Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

[6] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền nợ. Quan điểm nói trên của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông Nguyễn Văn P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000.000 đồng x 5% = 15.000.000 đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0002642 ngày 16/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 264; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Văn P phải thanh toán cho Nguyễn Thị L số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) vào một lần.

Quy định chung: Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí:

Ông Nguyễn Văn P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng số 0002642 ngày 16/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự L.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực B - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Huỳnh Tường Viên